ĐỀ THI THỬ

Câu 41: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về tài nguyên rừng của nước ta?

A. Tổng diện tích rừng đang tăng lên. **B.** Tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái.
C. Diện tích rừng giàu chiếm tỉ lệ lớn. **D.** Chất lượng rừng chưa thể phục hồi.

Câu 42: Khu vực thường xảy ra lũ quét ở nước ta là

A. đồng bằng ven biển. **B.** vùng đồi trung du phía Bắc.
C. hạ lưu các cửa sông. **D.** lưu vực sông suối miền núi.

Câu 43: Tỉ trọng công nghiệp chế biến tăng trong cơ cấu ngành công nghiệp nước ta do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Khả năng thu hút vốn đầu tư cao. **B.** Do chính sách của Nhà nước.
C. Đáp ứng tốt nhu cầu thị trường. **D.** Xuất khẩu ngày càng mở rộng.

Câu 44: Ngành công nghiệp chế biến thủy sản nước ta tập trung chủ yếu tại

A. vùng đồi núi. **B.** các vùng nguyên liệu. **C.** các đô thị lớn. **D.** các cảng biển.

Câu 45: Đông Nam Bộ thu hút được nguồn lao động dồi dào, chủ yếu do có

A. nền kinh tế phát triển năng động. **B.** cơ sở hạ tầng hiện đại và đồng bộ.
C. tài nguyên khoáng sản phong phú. **D.** diện tích đất xám phù sa cổ rất lớn.

Câu 46: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây nằm trên đường biên giới Việt - Lào?

A. Cao Bằng. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Phú Thọ. **D.** Bình Dương.

Câu 47: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây **không** thuộc lưu vực hệ thống sông Cả?

A. Nậm Mô. **B.** Ngàn Sâu. **C.** Gianh. **D.** Ngàn Phố.

Câu 48: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về chế độ nhiệt ở nước ta?

A. Tăng dần từ Bắc vào Nam. **B.** Giảm dần từ Bắc vào Nam.
C. Trung bình năm trên 20°C. **D.** Phân hóa theo không gian.

Câu 49: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đỉnh núi Ngọc Linh nằm trên dãy núi nào sau đây?

A. Pu Đen Đinh. **B.** Trường Sơn Nam. **C.** Con Voi. **D.** Trường Sơn Bắc.

Câu 50: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây là đô thị loại 1?

A. Nha Trang. **B.** Hải Phòng. **C.** Hà Nội. **D.** Nam Định.

Câu 51: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây **không** thuộc Đồng bằng sông Hồng?

A. Hải Phòng. **B.** Nam Định. **C.** Thanh Hóa. **D.** Phúc Yên.

Câu 52: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết cây điều được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây?

A. Trà Vinh. **B.** Ninh Thuận. **C.** Phú Yên. **D.** Bình Phước.

Câu 53: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Quy Nhơn có ngành nào sau đây?

A. Luyện kim đen. **B.** Chế biến nông sản. **C.** Luyện kim màu. **D.** Điện tử.

Câu 54: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long?

A. Cà Mau, Rạch Giá. **B.** Cà Mau, Cần Thơ.
C. Long Xuyên, Cần Thơ. **D.** Sóc Trăng, Rạch Giá.

Câu 55: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng nào sau đây **không** phải là cảng sông?

A. Cần Thơ. **B.** Tuyên Quang. **C.** Ba Ngòi. **D.** Trà Vinh.

Câu 56: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết các trung tâm du lịch nào sau đây có quy mô cùng cấp?

A. Hạ Long, Hà Nội. **B.** Hải Phòng, Đà Nẵng.
C. Vũng Tàu, Nha Trang. **D.** Cần Thơ, Huế.

Câu 57: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết nhà máy nhiệt điện Na Dương thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Hà Giang. **B.** Quảng Ninh. **C.** Cao Bằng. **D.** Lạng Sơn.

LIVEWORKSHEETS

Câu 58: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết chè được trồng nhiều ở tỉnh nào trong các tỉnh sau đây?

A. Nghệ An. **B.** Quảng Bình. **C.** Quảng Trị. **D.** Thanh Hóa.

Câu 59: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cây hồ tiêu được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Phú Yên. **B.** Ninh Thuận. **C.** Khánh Hòa. **D.** Bình Thuận.

Câu 60: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào có cơ cấu ngành đa dạng nhất trong các trung tâm công nghiệp sau?

A. Long Xuyên. **B.** Rạch Giá. **C.** Cà Mau. **D.** Sóc Trăng.

Câu 61: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA MI-AN-MA, NĂM 2010 VÀ NĂM 2019

(Đơn vị: triệu USD)

Năm	2010	2019
Xuất khẩu	8861	16672
Nhập khẩu	6413	19345

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo bảng số liệu, cho biết cán cân xuất nhập khẩu của Mi-an-ma năm 2010 và năm 2019 lần lượt là bao nhiêu?

A. 2 484 triệu USD và -2 673 triệu USD. **B.** -2 448 triệu USD và 2 673 triệu USD.

C. 2 844 triệu USD và -2 673 triệu USD. **D.** 2 448 triệu USD và -2 673 triệu USD.

Câu 62: Cho biểu đồ:

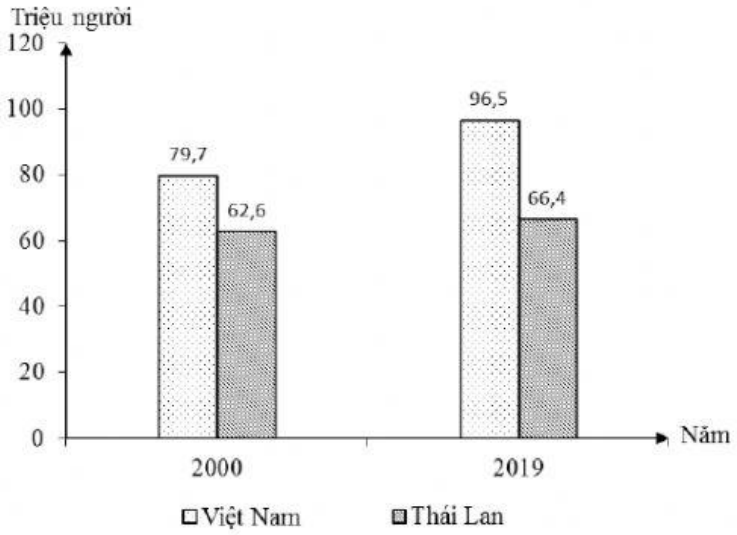

SỐ DÂN CỦA VIỆT NAM VÀ THÁI LAN NĂM 2000 VÀ 2019

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh về sự thay đổi số dân năm 2019 so với 2000 của Việt Nam và Thái Lan?

A. Việt Nam tăng ít hơn Thái Lan. **B.** Thái Lan tăng nhanh hơn Việt Nam.

C. Việt Nam tăng gấp đôi Thái Lan. **D.** Việt Nam tăng nhanh hơn Thái Lan.

Câu 63: Nước ta có gió Tín phong hoạt động là do vị trí địa lí

A. tiếp giáp với biển Đông. **B.** trong khu vực Châu Á gió mùa.

C. nằm ở Bán cầu Bắc. **D.** nằm trong vùng nội chí tuyến.

Câu 64: Khó khăn lớn nhất do sự tập trung lao động đông ở các đô thị lớn của nước ta là

A. bảo vệ môi trường. **B.** đảm bảo phúc lợi xã hội.

C. giải quyết việc làm. **D.** khai thác nguồn tài nguyên.

Câu 65: Quá trình đô thị hóa ở nước ta diễn ra

A. khá nhanh, trình độ đô thị hóa cao. **B.** chậm chạp, trình độ đô thị hóa thấp.

C. khá muộn nhưng trình độ rất cao. **D.** rất nhanh và trình độ đô thị hóa cao.

LIVEWORKSHEETS

Câu 66: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay?

A. Tốc độ chuyển dịch diễn ra còn chậm chạp.
B. Đáp ứng đầy đủ sự phát triển đất nước.
C. Chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa.
D. Kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Câu 67: Chăn nuôi bò sữa được phát triển khá mạnh ở ven các thành phố lớn chủ yếu do

A. điều kiện chăm sóc rất tốt.
B. cơ sở kĩ thuật phục vụ chăn nuôi hiện đại.
C. nhu cầu của thị trường lớn.
D. truyền thống chăn nuôi vùng ngoại thành.

Câu 68: Các xí nghiệp chế biến gỗ và lâm sản tập trung nhiều ở Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ chủ yếu do

A. tiện đường giao thông.
B. có nguyên liệu phong phú.
C. gần thị trường tiêu thụ.
D. có nguồn lao động dồi dào.

Câu 69: Giao thông vận tải đường biển của nước ta có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn chủ yếu do

A. vận tải đường biển có phạm vi rộng và đường dài.
B. ngoại thương phát triển mạnh, xuất nhập khẩu lớn.
C. có điều kiện thuận lợi để phát triển ngành đường biển.
D. nước ta có đội tàu buôn lớn lại được trang bị hiện đại.

Câu 70: Kinh tế biển ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước ta vì

A. vùng biển nước ta rộng, đường bờ biển dài.
B. biển giàu tài nguyên khoáng sản và hải sản.
C. đóng góp ngày càng lớn trong GDP của cả nước.
D. thuận lợi để phát triển giao thông vận tải, du lịch.

Câu 71: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với nội thương nước ta hiện nay?

A. Hàng hóa ngày càng phong phú, đa dạng.
B. Thị trường thống nhất trong khắp cả nước.
C. Kinh tế Nhà nước chiếm tỉ trọng lớn nhất.
D. Thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia.

Câu 72: Việc phát triển nghề thủ công truyền thống ở Đồng bằng sông Hồng góp phần quan trọng nhất vào việc

A. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.
B. giải quyết sức ép về vấn đề việc làm.
C. thay đổi phân bố dân cư trong vùng.
D. đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 73: Biện pháp chủ yếu để đẩy mạnh phát triển du lịch biển đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. nâng cấp các cơ sở lưu trú, khai thác mới tài nguyên.
B. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng loại hình sản phẩm.
C. nâng cao trình độ người lao động, tích cực quảng bá.
D. thu hút dân cư tham gia, phát triển du lịch cộng đồng.

Câu 74: Biện pháp cấp bách nhất hiện nay để bảo vệ rừng tự nhiên ở Tây Nguyên là

A. đóng cửa rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng.
B. đẩy mạnh việc khoanh nuôi, trồng rừng mới.
C. chú trọng giao đất, giao rừng cho người dân.
D. khai thác rừng hợp lí, đẩy mạnh chế biến gỗ.

Câu 75: Tác động của biến đổi khí hậu thể hiện rõ nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. nhiệt độ trung bình năm tăng nhanh.
B. diện tích nhiễm mặn, nhiễm phèn tăng.
C. nguồn nước ngầm ngày càng hạ thấp.
D. lũ lụt thường xảy ra trên diện rất rộng.

Câu 76: Cho biểu đồ về GDP của nước ta, giai đoạn 2005 - 2018:

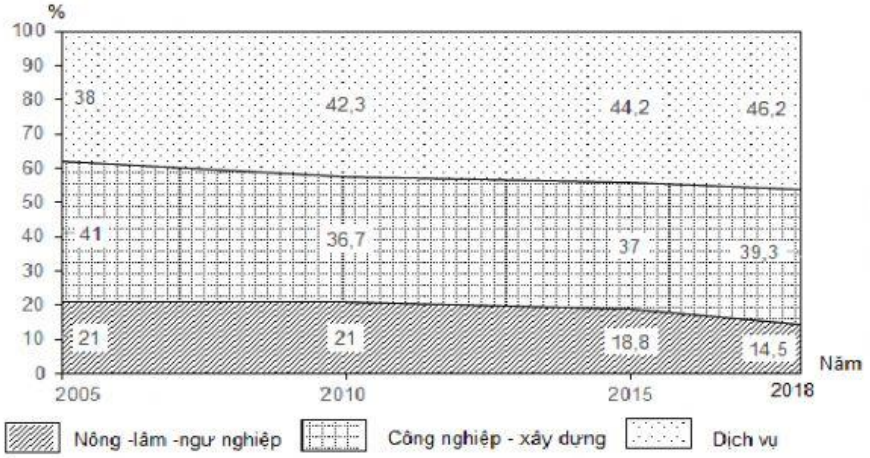

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

LIVEWORKSHEETS

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Quy mô và cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế.

B. Chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế.

C. Chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế.

D. Tốc độ tăng trưởng GDP của các ngành kinh tế.

Câu 77: Quá trình bồi tụ mở rộng nhanh đồng bằng châu thổ sông của nước ta do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Xâm thực miền núi yếu, thềm lục địa nông và mở rộng.

B. Lãnh thổ mở rộng, chế độ nước sông thay đổi theo mùa.

C. Mạng lưới sông ngòi dày đặc, núi lùi sâu vào trong đất liền.

D. Thềm lục địa nông và mở rộng ở hạ lưu các con sông lớn.

Câu 78: Chăn nuôi bò sữa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển mạnh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Nguồn thức ăn được đảm bảo, nhu cầu thị trường tăng.

B. Nhu cầu thị trường tăng, nhiều giống mới năng suất cao.

C. Cơ sở hạ tầng phát triển, nguồn thức ăn được đảm bảo.

D. Nhiều giống mới năng suất cao, cơ sở hạ tầng phát triển.

Câu 79: Việc xây dựng các cảng biển ở Bắc Trung Bộ có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

A. Làm thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển.

B. Tạo thuận lợi để đa dạng hàng hóa vận chuyển.

C. Làm gia tăng khả năng thu hút các nguồn đầu tư.

D. Giải quyết việc làm cho người lao động tại chỗ.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2018

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	**2010**	**2012**	**2015**	**2018**
Tổng số	**800 886,0**	**961 128,4**	**1 146 895,7**	**1 539 271,7**
Đường sắt	7 861,5	6 952,1	6 707,0	5 717,7
Đường bộ	587 014,2	717 905,7	877 628,4	1 207 682,8
Đường sông	144 227,0	174 385,4	201 530,7	251 904,6
Đường biển	61 593,2	61 694,2	60 800,0	73 562,2
Đường hàng không	190,1	191,0	229,6	404,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta giai đoạn 2010 - 2018, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Cột. **B.** Kết hợp. **C.** Đường. **D.** Miền.

……..HẾT……..

LIVEWORKSHEETS

ĐÁP ÁN

41C	42D	43C	44B	45A	46B	47C	48B	49B	50B
51C	52C	53B	54B	55C	56C	57D	58A	59D	60C
61D	62D	63D	64C	65B	66B	67C	68B	69A	70C
71C	72B	73B	74A	75B	76C	77D	78A	79C	80D

LIVEWORKSHEETS